

Số: /KH-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

**KẾ HOẠCH
Sản xuất ngành trồng trọt năm 2022**

**Phần thứ nhất
KẾT QUẢ SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2021**

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT

1. Tổng diện tích gieo trồng

Tổng diện tích gieo trồng cả năm 25.010,3 ha, đạt 99% kế hoạch (25.270 ha), bằng 99,5% so với cùng kỳ (25.130,4 ha).

- Vụ Đông năm 2020-2021: Diện tích gieo trồng 2.858 ha, đạt 102,1% kế hoạch (2.800 ha).

- Vụ Chiêm xuân: Diện tích gieo trồng 11.752 ha, giảm 257,4 ha so cùng kỳ (12.009,4 ha), đạt 100,7% kế hoạch (11.670 ha).

- Vụ Thu Mùa: Diện tích gieo trồng 10.400,3 ha, tăng 124,5 ha so với cùng kỳ (10.275,8 ha), đạt 96,3% kế hoạch (10.800 ha).

2. Diện tích, năng suất, sản lượng một số cây trồng chính

- Cây lúa: Diện tích gieo trồng 18.722,5 ha, năng suất bình quân đạt 62 tạ/ha, sản lượng 115.989 tấn. Trong đó vụ Xuân gieo trồng 9.534,4 ha, năng suất 70 tạ/ha, sản lượng 66.740,8 tấn; vụ Mùa gieo trồng 9.188,1 ha, năng suất 53,6 tạ/ha, sản lượng đạt 49.248,2 tấn.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng 1.373,54 ha, năng suất 45,8 tạ/ha, sản lượng 6.288,4 tấn.

- Rau màu các loại: Diện tích gieo trồng 2.854,3 ha, năng suất 124,7 tạ/ha, sản lượng 35.599,9 tấn.

* Tổng sản lượng lương thực năm 2021 đạt 122.277,4 tấn, đạt 103,6% kế hoạch (118 ngàn tấn trở lên).

3. Diện tích chuyển đổi đất trồng lúa

Năm 2021 tổng diện tích đất trồng lúa chuyển đổi sang trồng các loại cây trồng khác và nuôi trồng thủy sản là 465,5 ha đạt 100,1% kế hoạch (465 ha); trong đó chuyển đổi sang cây lâu năm (cây cảnh, cây ăn quả) 102,8 ha, chuyển đổi sang cây hàng năm 276,3 ha, chuyển đổi sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản 86,4 ha.

4. Công tác tích tụ, tập trung đất đai, tổ chức liên kết sản xuất

Năm 2021 thực hiện tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất quy mô lớn được 303 ha, đạt 101,1% kế hoạch (300 ha); trong đó diện tích đất được tích tụ, tập trung trong lĩnh vực trồng trọt là 270,6 ha (lúa 111,9 ha, ngô 80 ha, cây ăn quả 27,7 ha,

rau màu 32,5 ha, hoa cây cảnh 18,5 ha); tích tụ, tập trung trong lĩnh vực thủy sản đạt 8,6 ha; tích tụ, tập trung trong lĩnh vực lâm nghiệp 23,8 ha.

Diện tích liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm đạt 670 ha, trong đó liên kết sản xuất lúa gạo chất lượng cao là 164,4 ha, liên kết sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn VietGAP là 500 ha, sản xuất khoai môn chỉ tím là 5,6 ha.

(Có phụ biểu kèm theo)

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2021

1. Về ưu điểm

- Công tác chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ sản xuất của các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở được triển khai kịp thời, chủ động; UBND huyện đã bám sát kế hoạch sản xuất của tỉnh, xây dựng kế hoạch, chỉ đạo các xã, thị trấn tổ chức thực hiện với các nhiệm vụ, giải pháp đồng bộ ngay từ đầu vụ và triển khai các giải pháp theo tình hình cụ thể đảm bảo giữ vững được diện tích, năng suất các loại cây trồng chính.

- Thời tiết vụ Xuân ấm, thuận lợi cho gieo trồng, chăm sóc lúa và các cây màu vụ Xuân, hệ sinh thái đồng ruộng cân bằng, các đối tượng dịch hại trên đồng ruộng được kiểm soát tốt không gây thiệt hại đến năng suất, sản lượng cây trồng; lượng hoá chất bảo vệ thực vật sử dụng trên đồng ruộng trong vụ Xuân 2021 rất ít đã góp phần nâng cao chất lượng nông sản và hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.

- Lượng mưa trong vụ Xuân và sản xuất vụ Mùa phân bố đều thuận lợi cho công tác gieo trồng, đặc biệt thuận lợi đối với gieo cấy lúa trong vụ Mùa, đảm bảo gieo cấy hết diện tích, không xảy ra tình trạng thiếu nước phục vụ làm đất, gieo cấy và chăm sóc lúa.

- Hệ thống kênh mương nội đồng, các hồ đập, trạm bơm được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa đã phát huy hiệu quả trong hoạt động tưới tiêu, phục vụ sản xuất.

- Trong điều kiện thời tiết và dịch bệnh Covid- 19 có nhiều diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến công tác thu hoạch, bảo quản và lưu thông các loại nông sản trong vụ Thu Mùa; UBND huyện đã chỉ đạo phòng Nông nghiệp và PTNT huyện cùng với các xã, thị trấn đã bám sát tình hình, chủ động, linh hoạt trong thực hiện các giải pháp thu hoạch, bảo quản và tiêu thụ nông sản cho nông dân đảm bảo được sản lượng, chất lượng nông sản và an toàn trong tình hình dịch bệnh Covid- 19.

- Công tác tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật đã được các đơn vị chuyên môn cấp huyện phối hợp với các xã, thị trấn tăng cường thực hiện, giúp nông dân nâng cao nhận thức về sản xuất hiệu quả, an toàn thực phẩm, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, liên kết sản xuất, tổ chức sản xuất hàng hóa,... Trong vụ Mùa năm 2021 toàn huyện đã tổ chức xây dựng được 9 vùng sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP với tổng diện tích đạt 500 ha với trên 1.800 hộ nông dân được tập huấn kỹ thuật sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP, chuyển giao kỹ thuật sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP quy mô 10 ha tại xã Bình Sơn, sản xuất rau quy mô 6 ha tại xã Dân Lý (Hội Nông dân tỉnh hỗ trợ công tác tập huấn).

- Công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) được tăng cường, chú trọng. UBND huyện đã thành lập các đoàn liên ngành cấp huyện, cùng với UBND các xã, thị trấn thực hiện, kiểm tra, truy xuất, xác nhận nguồn gốc xuất xứ trong sản xuất kinh doanh nông lâm, thủy sản, kiểm tra đánh giá các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn toàn huyện góp phần nâng cao năng suất, chất lượng của nông sản, vật tư nông nghiệp.

- Các cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất được triển khai đầy đủ, hiệu quả, tạo động lực phát triển cho cả kinh tế hộ gia đình và kinh tế tập thể, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác. Trong năm 2021 toàn huyện đã thực hiện cơ chế hỗ trợ mua 17 máy cấy với kinh phí hỗ trợ 529 triệu đồng. Thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa trong năm 2021 toàn huyện đã hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa 0,8 km kênh mương, 1,6 km đường giao thông nội đồng với tổng kinh phí 3,187 tỷ đồng; hỗ trợ kinh phí cho người trồng lúa liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, quy mô 400 ha với kinh phí hỗ trợ 3.600 triệu đồng.

- Hoạt động tích tụ, tập trung đất đai gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng tiếp tục được triển khai có hiệu quả góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và mang lại hiệu quả kinh tế, thu nhập ổn định cho người sản xuất. Một số xã thực hiện công tác chuyển đổi tốt, đủ điều kiện hưởng cơ chế hỗ trợ công tác chỉ đạo như: Dân Quyền, Tiến Nông, Xuân Thọ; hoạt động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao như trồng dưa tại các xã Thọ Vực, Thọ Phú, Thọ Thế, trồng rau tại các xã Tiến Nông, Dân Lý, nuôi cá tại các xã Thọ Tiến, Xuân Thọ....

- Hoạt động liên kết trong đầu tư sản xuất, tiêu thụ hàng hóa giữa nông dân, HTX và doanh nghiệp, hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo với Công ty Cổ phần thương mại Sao Khuê, Công ty Cổ phần giống cây trồng Tứ Xuyên, Công ty Sông Mã tại các xã trên địa bàn huyện với diện tích lúa đạt 664,4 ha (trong đó: liên kết sản xuất lúa gạo chất lượng cao là 164,4 ha, liên kết sản xuất lúa gạo theo tiêu chuẩn VietGAP là 500 ha); sản xuất rau, cây thức ăn chăn nuôi được duy trì và mở rộng.

2. Về hạn chế

- Tình trạng gieo cấy lúa sớm trước lịch thời vụ trong vụ Xuân còn phổ biến, gây ra nguy cơ bị thiệt hại do gặp rét đậm, rét hại đầu vụ và suy giảm năng suất lúa khi cây lúa làm đòng, trở bông gặp rét cuối vụ. Cơ cấu giống lúa, trà lúa gieo cấy trong vụ Mùa chưa đảm bảo, đặc biệt đối với vùng sâu trũng tình trạng sử dụng các giống dài ngày và gieo cấy muộn có nguy cơ thiệt hại năng suất cuối vụ khi gặp mưa bão gây ngập úng vẫn còn xảy ra ở một số xã như: Hợp Thành, Hợp Lý, Hợp Tiến, Xuân Thọ, Thọ Tiến...

- Trên cùng một xứ đồng còn gieo cấy nhiều trà lúa với các giống lúa có thời gian sinh trưởng khác nhau, lúa gieo sạ xen lẫn với lúa cấy, gây khó khăn trong công tác điều tiết nước tưới, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh và thu hoạch lúa.

- Hệ thống kênh mương tưới, tiêu mặc dù đã được quan tâm đầu tư nâng cấp phục vụ sản xuất, song vẫn còn tình trạng hệ thống kênh mương bị ách tắc, bồi lấp không thực hiện được chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất, đặc biệt phục vụ công tác tưới trong đầu vụ và tiêu úng cuối vụ Mùa dẫn đến tình trạng khô hạn thiếu nước phục vụ công tác làm đất, gieo cấy và phòng chống ngập úng cuối vụ Mùa.

- Diện tích đất đai được tích tụ, tập trung và chuyển đổi đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác còn nhỏ lẻ, manh mún, diện tích chuyển đổi chưa đạt kế hoạch, chuyển đổi chưa bền vững, diện tích chuyển đổi với quy mô lớn chưa nhiều, chưa hình thành vùng tập trung chuyên canh.

- Hoạt động liên kết sản xuất theo hướng tập trung quy mô lớn tạo ra những sản phẩm cho năng suất, chất lượng, hiệu quả tạo thành vùng nguyên liệu ổn định, cung cấp thường xuyên cho thị trường tiêu thụ chưa nhiều. Tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng còn hạn chế, giá cả nông sản thấp, đặc biệt giá lúa trong vụ Mùa năm 2021 xuống quá thấp so với vụ Xuân (giảm hơn 2.000 đồng/kg) đã ảnh hưởng nhiều đến thu nhập và tâm lý của người trồng lúa.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Thời tiết năm 2021 tương đối thuận lợi cho sản xuất ngành trồng trọt, tuy nhiên vào thời điểm cuối vụ Mùa do ảnh hưởng của các cơn bão đã gây ra các đợt mưa lớn kéo dài từ cuối tháng 9 sang đầu tháng 10 gây ngập úng một số diện tích lúa gieo cấy vùng trũng thấp vào thời điểm lúa chín dẫn tới suy giảm năng suất lúa cũng như ảnh hưởng đến tiến độ gieo trồng và quá trình sinh trưởng của diện tích cây rau màu vụ Hè Thu, vụ Đông sớm.

- Dịch bệnh Covid-19 bùng phát gây ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động lưu thông hàng hoá, nhiều mặt hàng liên quan đến sản xuất nông nghiệp như giống, phân bón tăng giá phi mã đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động đầu tư sản xuất các loại nông sản xuất khẩu như cây ốt, lúa gạo, rau quả, dịch vụ tiêu thụ nông sản bị đình trệ... đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất ngành trồng trọt trong năm 2021. Bên cạnh đó cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở phải tập trung nhân lực, thời gian để thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 cũng đã ảnh hưởng đến công tác phát triển kinh tế nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng.

- Sản xuất trồng trọt vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình chiếm tỷ lệ lớn và thiếu sự liên kết sản xuất đồng bộ, đã hạn chế khả năng ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm tạo ra lượng nông sản lớn và được tiêu thụ ổn định.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Công tác chỉ đạo sản xuất ở nhiều đơn vị chưa nhận được sự quan tâm đúng mức và sự chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt của cả hệ thống chính trị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch đề ra trong sản xuất ngành trồng trọt năm 2021.

- Công tác xây dựng và chỉ đạo triển khai kế hoạch, phương án sản xuất ở nhiều xã, thị trấn chưa thực hiện đầy đủ, nghiêm túc; công tác thông tin, tuyên truyền hướng dẫn sản xuất, đặc biệt công tác định hướng cơ cấu giống và hướng

dẫn lịch thời vụ gieo cấy còn xem nhẹ, phó mặc cho người sản xuất, một số đơn vị xem nhẹ vai trò công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất. Công tác báo cáo tình hình sản xuất chưa đầy đủ, kịp thời.

- Công tác nạo vét kênh mương phục vụ tưới, tiêu, nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nội đồng ở nhiều đơn vị chưa làm tốt, việc ứng phó với các diễn biến bất thường như thiên tai, dịch bệnh ở một số xã, thị trấn còn chậm, chưa chủ động xây dựng và xử lý đối với các tình huống bất thuận của thời tiết xảy ra, dẫn đến thiệt hại cho sản xuất.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với quy hoạch sản xuất, hình thành vùng chuyển đổi cơ cấu cây trồng chưa được xây dựng phương án cụ thể và tập trung chỉ đạo dẫn đến tình trạng chuyển đổi đất trồng lúa tự phát, không đảm bảo các quy định pháp luật và hiệu quả kinh tế thấp vẫn còn phổ biến. Việc tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao chưa được nghiên cứu đầy đủ để hướng dẫn, vận động các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia thực hiện. Việc tìm kiếm thị trường, xúc tiến kêu gọi đầu tư tại một số đơn vị chưa thực sự tích cực, chủ động.

- Năng lực quản lý, tổ chức sản xuất của phần lớn các HTX Dịch vụ nông nghiệp còn yếu, hoạt động cầm chừng, chưa tập hợp được các hộ nông dân để tổ chức sản xuất tập trung gắn với bao tiêu nông sản cho nông dân.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2022

I. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Sản xuất ngành trồng trọt năm 2022 được sự quan tâm của các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện với các cơ chế, chính sách thiết thực đã và đang hỗ trợ trực tiếp đến đối tượng tham gia sản xuất, đồng thời dự kiến nhiều cơ chế, chính sách mới ban hành sẽ góp phần nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, hỗ trợ khoa học kỹ thuật, thị trường tiêu thụ nông sản sẽ là động lực quan trọng phát triển kinh tế hộ gia đình và khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

- Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới của huyện với những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể sẽ là căn cứ và định hướng để các đơn vị xây dựng và tập trung chỉ đạo thực hiện các kế hoạch, phương án sản xuất phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, phát huy tiềm năng, lợi thế về đất đai, đối tượng cây trồng chủ lực của từng đơn vị trong năm 2022 và cả giai đoạn 2021-2025.

- Xu hướng liên doanh, liên kết trong sản xuất nông nghiệp giữa nông dân và các doanh nghiệp ngày càng tăng, là cơ sở để từng bước tổ chức lại sản xuất theo hướng liên kết, hình thành các chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sản xuất ngành trồng trọt góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng nhu cầu thị trường và thích ứng với bối cảnh dịch bệnh Covid-19 hiện nay.

2. Khó khăn

- Tình hình thời tiết diễn biến bất thường, tiếp tục gây khó khăn lớn cho công tác dự tính, dự báo, triển khai các giải pháp phòng chống thiên tai, bảo vệ sản xuất.

- Điều kiện về nguồn lực lao động, tài chính của hộ nông dân còn hạn chế, dẫn đến khó khăn trong việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng yêu cầu phải có vốn đầu tư, nhân lực lao động, khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Quy mô sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, cùng với tâm lý giữ đất của người dân tác động đến việc mở rộng và phát triển các mô hình sản xuất theo hướng tập trung quy mô lớn.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp khó lường đã và đang ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất nông nghiệp, đặc biệt giá nguyên liệu nhập khẩu sản xuất phân bón tăng mạnh cùng với chi phí vận chuyển tăng đã làm cho giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tăng giá quá cao và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng đầu tư ban đầu của người sản xuất. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, giá cả các mặt hàng nông sản như lúa gạo, ngô, cây thức ăn chăn nuôi, rau quả các loại...không ổn định, do bị ách tắc lưu thông và đứt gãy liên kết sản xuất, ảnh hưởng đến tâm lý, kế hoạch sản xuất của người sản xuất.

- Những tồn tại trong công tác chỉ đạo sản xuất về lịch thời vụ gieo cấy, cơ cấu giống, công tác phòng chống thiên tai bảo vệ sản xuất, công tác chuyển đổi đất trồng lúa, tổ chức liên kết sản xuất... nếu không được khắc phục sẽ tiếp tục ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt của toàn huyện trong năm 2022.

II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NGÀNH TRỒNG TRỌT NĂM 2022

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt ở mức hợp lý, đảm bảo an ninh lương thực và sinh kế cho người sản xuất trong điều kiện dịch bệnh đã và đang ảnh hưởng đến việc làm và thu nhập của người dân hiện nay. Tập trung đẩy mạnh công tác tích tụ, tập trung đất đai và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hình thành mới và mở rộng các vùng sản xuất chuyên canh, đẩy mạnh phát triển hoạt động liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật nhằm giảm chi phí đầu tư sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, nước góp phần nâng cao chất lượng nông sản, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 25.250 ha, trong đó: Vụ Đông 3.000 ha, vụ Xuân 11.550 ha, vụ Mùa 10.700 ha; tổng sản lượng lương thực đạt từ 120 ngàn tấn trở lên. Một số mục tiêu chính như sau:

- Lúa cả năm từ 18.600 ha, NSBQ 61 tạ/ha, sản lượng 113.460 tấn.
- Ngô cả năm 1.500 ha, NSBQ 45 tạ/ha, sản lượng 6.750 tấn.
- Lạc cả năm 150 ha, NSBQ 21,5 tạ/ha, sản lượng 322,5 tấn.
- Cây gai xanh 40 ha.

- Cây dược liệu 50 ha.
- Cây thức ăn gia súc 340 ha.
- Mía cả năm đạt 200 ha, NSBQ từ 60 tấn/ha trở lên.
- Sắn cả năm đạt 100 ha.
- Rau màu các loại và cây hàng năm khác 4.270 ha.

2.2. Thực hiện chuyển đổi 611 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản.

2.3. Thực hiện tích tụ, tập trung 350 ha đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp.

2.4. Tập trung đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản cho nông dân; phấn đấu mỗi xã, thị trấn xây dựng thành công 01- 02 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực của đơn vị.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp ủy, chính quyền từ huyện đến xã và sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc triển khai thực hiện các mục tiêu sản xuất trồng trọt

Để triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, kế hoạch sản xuất trong điều kiện hiện nay cần nâng cao vai trò trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành của các cấp ủy, chính quyền. Tập trung chủ yếu vào các nội dung:

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về vai trò tiên phong, gương mẫu trong công tác sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt trong việc chấp hành lịch thời vụ gieo cấy, cơ cấu giống, thực hiện công tác tích tụ, tập trung đất đai và chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vai trò của hoạt động liên kết sản xuất trong phát triển kinh tế nông nghiệp hiện nay.

- Thực hiện xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất năm 2022, phương án sản xuất vụ Xuân, vụ Mùa sớm đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt hướng dẫn về lịch thời vụ gieo cấy, cơ cấu giống lúa, trà lúa cụ thể đến từng thôn.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực hoạt động của Ban Chỉ đạo sản xuất, Ban nông nghiệp cấp xã, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, phụ trách từng thôn, xóm, tổ chức giao ban nắm tình hình sản xuất thường xuyên để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; động viên, hướng dẫn Nhân dân thực hiện tốt lịch thời vụ gieo cấy, quy trình kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng, thông tin các cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đến người sản xuất nắm được và vận dụng kịp thời, hiệu quả; tìm kiếm thị trường tiêu thụ, xây dựng các liên kết sản xuất với sự tham gia đồng đảo các hộ gia đình theo nhóm đối tượng cây trồng, vùng đồng sản xuất.

2. Chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ sản xuất, chủ động ứng phó với các tình huống phức tạp do thiên tai, dịch bệnh gây ra

- Yêu cầu các xã, thị trấn phải tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân gieo cấy đảm bảo đúng lịch thời vụ, cơ cấu giống, cơ cấu trà lúa huyện đã xây dựng và triển khai. Trong vụ Xuân tuyệt đối không để xảy ra tình trạng gieo cấy sớm trước lịch thời vụ dẫn đến mạ chết, lúa chết do rét đậm, rét hại; trong vụ Mùa chỉ đạo 100% diện tích sâu trũng, vùng né lụt phải được cơ cấu giống ngắn ngày đưa vào gieo cấy, đảm bảo thu hoạch sớm trước mùa mưa bão.

- Linh hoạt trong xây dựng phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thời tiết, đất đai. Đối với diện tích đất trồng lúa khu vực cao, khu vực tưới bằng hồ đập có khả năng thiếu nước không đảm bảo canh tác lúa yêu cầu khẩn trương chuyển đổi sang các loại cây trồng khác thay thế đảm bảo mang lại hiệu quả kinh tế và thu nhập cho nhân dân.

- Tăng cường công tác kiểm tra thăm đồng, theo dõi sát diễn biến phát sinh gây hại của các đối tượng dịch hại trên đồng ruộng và tiến hành phòng trừ kịp thời, hiệu quả không để sâu bệnh gây hại, phát sinh trên diện rộng.

- Trong điều kiện thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, các hộ gia đình thực hiện cách ly y tế, hoặc thôn, xã thực hiện giãn cách, phong tỏa không thể thực hiện các hoạt động sản xuất bình thường, yêu cầu UBND cấp xã phải chủ động xây dựng phương án tổ chức cung ứng giống, phân bón tập trung, áp dụng cơ giới hoá vào sản xuất (mạ khay, máy cấy) đảm bảo gieo cấy hết diện tích. Thực hiện các phương án huy động máy móc, phương tiện thu hoạch lúa cho nhân dân đảm bảo tập trung, nhanh gọn, giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra, phù hợp với công tác phòng chống dịch Covid-19, chủ động hơn nữa trong công tác liên hệ, tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản chủ lực cho bà con nông dân để góp phần thực hiện tốt đồng thời hai nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh và phát triển kinh tế hiệu quả.

3. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng, kiên cố hoá kênh mương, đường giao thông nội đồng, nâng cấp, sửa chữa các công trình phòng chống thiên tai

- Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch sản xuất nông nghiệp của đơn vị, các xã, thị trấn triển khai khảo sát, lập kế hoạch đầu tư và thực hiện nâng cấp, sửa chữa các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp từ quý 4 năm 2021; ưu tiên các vùng sản xuất trọng điểm, tập trung của đơn vị đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu sản xuất của Nhân dân bao gồm các tuyến đường giao thông nội đồng chính, kênh tưới chính, hệ thống điện cho các vùng sản xuất lúa gạo, rau, hoa, cây cảnh....

- Tăng cường kiểm tra các công trình phòng chống thiên tai như hệ thống đê, kè xung yếu, hồ đập phát hiện và kịp thời khắc phục các sự cố mất an toàn đối với đê điều, hồ đập; thực hiện tốt công tác nạo vét, khơi thông các tuyến kênh tưới, kênh tiêu trọng yếu đảm bảo thực hiện tốt chức năng tiêu úng khi có mưa bão xảy ra.

4. Đẩy mạnh công tác tích tụ, tập trung đất đai, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, hình thành các vùng sản xuất tập trung chuyên canh; phát huy vai trò

của Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp trong xây dựng và phát triển các liên kết sản xuất, hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ nông sản

- Tích cực thực hiện việc chuyển đổi đất trồng lúa sang cây trồng khác và kết hợp nuôi trồng thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn theo Phương án số 4409/PA-UBND ngày 18/11/2020 của UBND huyện; trong năm 2022 toàn huyện phấn đấu hoàn thành công tác chuyển đổi trên 600 ha đất trồng lúa hiệu quả thấp sang các loại cây trồng khác hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản.

Yêu cầu UBND các xã thị trấn xây dựng Phương án chuyển đổi đất trồng lúa cụ thể cho từng thôn, từng vùng đồng với diện tích cụ thể, đối tượng cây trồng cụ thể, gắn công tác chuyển đổi với việc xây dựng liên kết sản xuất, tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho sản phẩm cây trồng sau chuyển đổi; thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật trong công tác chuyển đổi đất trồng lúa về bảo vệ và phát triển đất trồng lúa.

- UBND các xã, thị trấn tiếp tục kiện toàn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của tổ chức Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp. Hỗ trợ tạo điều kiện để Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp phát huy vai trò tổ chức liên kết sản xuất từ khâu làm đất, gieo cấy đến chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, thu hoạch và tìm kiếm, kết nối thị trường tiêu thụ nông sản cho nông dân, đặc biệt trong tình hình dịch bệnh Covid-19 hiện nay cần phát huy tối đa chức năng của Hợp tác xã bằng những việc làm thiết thực nhằm hỗ trợ hoạt động sản xuất, tiêu thụ nông sản cho nông dân.

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác tích tụ, tập trung đất đai để thực hiện sản xuất nông nghiệp quy mô lớn theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 11/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa; triển khai thực hiện với nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt (thuê, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, liên kết các hộ gia đình tổ chức sản xuất quy mô lớn, dồn đổi ruộng giữa các hộ gia đình), tạo điều kiện cho các Hợp tác xã, doanh nghiệp vào thuê đất, nhận chuyển nhượng đất đai để đầu tư sản xuất;

5. Thực hiện nghiêm ngặt lịch thời vụ gieo trồng, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu các loại cây trồng. Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP

5.1. Đối với sản xuất lúa:

- Về cơ cấu trà lúa: Yêu cầu vụ Xuân thực hiện trên 90% diện tích gieo cấy trà lúa Xuân muộn; vụ Mùa 80% diện tích Mùa sớm, cực sớm và 20% diện tích Mùa chính để hạn chế ảnh hưởng bất thuận của thời tiết, sâu bệnh và tăng quỹ đất để mở rộng sản xuất vụ Đông.

- Về cơ cấu giống lúa: Mỗi xã nghiên cứu, lựa chọn từ 2-3 giống lúa có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện thời tiết bất thuận, phù hợp với đồng đất của đơn vị đưa vào gieo cấy; khuyến khích xây dựng thí điểm mô hình sản xuất lúa chất lượng cao quy mô 10-20 ha, đánh giá hiệu quả và tổ chức nhân rộng khi đảm bảo về chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Về công tác tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật: Tập trung xây dựng các cánh đồng lớn sử dụng một giống, một quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP vào sản xuất. Trong năm 2022, tiếp tục duy trì diện tích 550 ha sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP, đồng thời phấn đấu mỗi xã xây dựng 01 mô hình sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP quy mô từ 10-20 ha. Trong điều kiện hiện nay khi giá cả vật tư nông nghiệp đặc biệt giá phân bón tăng quá cao, cần chú trọng công tác tập huấn sâu rộng kỹ thuật sản xuất lúa theo chương trình “3 giảm, 3 tăng” (giảm lượng giống, giảm lượng thuốc BVTV, giảm lượng phân đạm, tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế), chương trình “1 phải, 5 giảm” (phải sử dụng giống xác nhận, giảm lượng giống, giảm lượng thuốc BVTV, giảm lượng phân đạm, giảm lượng nước tưới, giảm thất thoát sau thu hoạch) nhằm giảm chi phí đầu tư ban đầu, bảo đảm được năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.

5.2. Đối với sản xuất rau:

- Gắn kế hoạch sản xuất các loại rau quả với kế hoạch trồng trọt, kế hoạch chuyển đổi đất lúa của đơn vị. Mở rộng diện tích và đa dạng hoá các loại cây rau gồm cây rau dài ngày và cây rau ngắn ngày, rau ăn lá và rau lấy củ, quả, rau gia vị...xây dựng các vùng sản xuất rau trên các vùng đất lúa khó tưới chuyển đổi, mở rộng các vùng hiện có đồng thời duy trì diện tích sản xuất rau trong vườn hộ nhằm khai thác tối đa quỹ đất, đa dạng hoá chủng loại sản phẩm rau và nâng cao thu nhập cho người sản xuất.

- Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, kênh mương, hệ thống điện, hệ thống nhà lưới..) cho các vùng sản xuất rau đồng thời đẩy mạnh tập huấn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất rau theo hướng an toàn nhằm nâng cao chất lượng, năng suất, tìm kiếm thị trường tiêu thụ đáp ứng nhu cầu gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ ổn định, bền vững cho người sản xuất. Thực hiện đánh giá, chứng nhận lại cho các vùng sản xuất rau tập trung đã hết thời gian chứng nhận VietGAP tại các xã Dân Lý, Tiến Nông, đồng thời đánh giá, chứng nhận tiêu chuẩn VietGAP cho các vùng sản xuất rau an toàn tập trung mới hình thành.

5.3. Đối với sản xuất ngô: Trong tình hình hiện nay giá thức ăn chăn nuôi đang tăng giá cao, ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi của người dân, cần thiết phải thực hiện các biện pháp chủ động nguồn thức ăn chăn nuôi để duy trì tổng đàn gia súc, gia cầm và sản lượng thịt hơi các loại. Các đơn vị tập trung đẩy mạnh mở rộng diện tích ngô trồng trong khu vực vườn, bãi, chân ruộng cao khó tưới trong cả 3 vụ, trong đó mở rộng tối đa diện tích ngô sản xuất trong vụ Đông; lựa chọn các giống ngô lai có năng suất, chất lượng cao đưa vào sản xuất ngô lấy hạt, đồng thời lựa chọn các giống ngô ngắn ngày để sản xuất ngô sinh khối làm thức ăn xanh cho gia súc.

5.4. Đối với sản xuất hoa, cây cảnh:

Trên địa bàn toàn huyện hiện nay có trên 400-500 ha hoa, cây cảnh các loại tại các xã Vân Sơn, Hợp Lý, Thọ Tân, Hợp Tiến, chủ yếu trồng trong vườn hộ và đất lúa chuyển đổi. Để hình thành vùng sản xuất tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất hoa, cây cảnh, UBND các xã cần đầu tư xây dựng vùng chuyên canh hoa cây cảnh như đường giao thông, kênh mương phục vụ hoạt động

sản xuất và lưu thông hàng hoá; hướng dẫn các hộ gia đình có nhu cầu thực hiện chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng hoa, cây cảnh theo nhóm hộ để hình thành vùng tập trung thuận lợi cho công tác chăm sóc và đầu tư hạ tầng; ứng dụng kỹ thuật trong nhân giống, làm vườn ươm, kỹ thuật ghép, tạo tán, tạo thế, sử dụng các chế phẩm sinh học... nhằm đa dạng hoá các sản phẩm hoa cây cảnh và nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.

5.5. Đối với sản xuất chè:

Toàn huyện hiện có khoảng 300 ha chè tập trung tại xã Bình Sơn, với diện tích cho khai thác khoảng 200 ha, năng suất trung bình đạt 35 tạ/ha, sản lượng chè búp tươi đạt khoảng 700 tấn/năm.

Để phát huy được tiềm năng và lợi thế của cây chè, tạo thành ngành hàng sản xuất thu hút lao động và tạo giá trị kinh tế cao, cần đẩy mạnh công tác tập huấn, chuyển giao kỹ thuật trồng và chăm sóc, chế biến chè cho các hộ trồng chè xã Bình Sơn, chú trọng công tác tập huấn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cho cây chè, đồng thời xây dựng chính sách hỗ trợ người trồng chè để nâng cao chất lượng, năng suất, xây dựng thương hiệu chè Bình Sơn.

5.6. Đối với cây ăn quả:

Nhìn chung các mô hình trồng cây ăn quả hiện nay còn phân tán, nhỏ lẻ, các khâu kỹ thuật trong chọn giống, quy trình chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh chưa đảm bảo tiêu chuẩn sản xuất theo hướng an toàn, hiệu quả kinh tế còn ở mức thấp.

Để từng bước hình thành vùng sản xuất cây ăn quả tập trung, cần thực hiện công tác quy hoạch theo vùng trồng cây ăn quả, vùng chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng cây ăn quả, thông báo cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu đầu tư, chuyển đổi đăng ký thực hiện. Lựa chọn kỹ lưỡng các giống cây ăn quả tiềm năng, chất lượng, phù hợp với thổ nhưỡng đưa vào trồng; tổ chức tập huấn, phổ biến nâng cao kỹ thuật trồng, chăm sóc cây ăn quả theo nhóm cây trồng trên địa bàn toàn huyện, ứng dụng công nghệ mới trong canh tác cây ăn quả như công nghệ tưới tiết kiệm kết hợp bón phân, quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP trong sản xuất cây ăn quả; thực hiện nhân rộng mô hình sau khi chất lượng, hiệu quả kinh tế của sản phẩm cây ăn quả đã được đánh giá, kiểm chứng đạt yêu cầu.

5.7. Đối với sản xuất cây gai xanh:

Đây là loại cây trồng được đưa vào danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, trong đó huyện Triệu Sơn được UBND tỉnh quy hoạch vùng nguyên liệu cây gai xanh với diện tích 192 ha, tập trung tại 9 xã (Thọ Bình, Bình Sơn, Thọ Tiên, Thọ Sơn, Xuân Thịnh, Hợp Tiến, Minh Sơn, Hợp Thắng, Triệu Thành). Đây là đối tượng cây trồng dễ chăm sóc, có đầu ra đảm bảo, hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều so với trồng mía, trồng keo, mức đầu tư ban đầu thấp phù hợp với phát triển kinh tế hộ gia đình và được hỗ trợ kinh phí về giống, kinh phí chuyển đổi từ cây trồng cây lâu năm sang cây gai xanh. Trong năm 2022 kế hoạch toàn huyện thực hiện trồng khoảng 40 ha cây gai xanh, các xã trong vùng quy hoạch cùng với cơ quan chuyên môn nghiên cứu, hướng dẫn nhân dân thực hiện trồng cây gai xanh

với các giải pháp về kỹ thuật, chính sách hỗ trợ, sơ chế và tiêu thụ đảm bảo hiệu quả, thuận lợi.

6. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến các quy định về quản lý vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông sản thực phẩm. Đặc biệt trong tình hình hiện nay giá cả vật tư phân bón tăng mạnh, có nguy cơ các mặt hàng phân bón giả, kém chất lượng trà trộn trong thị trường; cần tăng cường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật tư nông nghiệp, phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm; đồng thời công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng những cơ sở vi phạm để cảnh báo cho nông dân biết và chủ động lựa chọn vật tư nông nghiệp đảm bảo chất lượng.

Lựa chọn, giới thiệu cho người sản xuất các sản phẩm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo chất lượng, an toàn trong sản xuất và môi trường, phù hợp với đối tượng cây trồng đưa vào sử dụng.

7. Tổ chức tốt việc triển khai và thực hiện có hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất trồng trọt

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương như Nghị định 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định 62/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý và sử dụng đất trồng lúa.

- Triển khai Nghị quyết 192/2019/NQ-UBND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để sản xuất công nghệ cao trên địa bàn tỉnh đến 2025. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 385/2021/NQ-HĐND về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cây gai xanh nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá, giai đoạn 2021-2023.

- Xây dựng các cơ chế hỗ trợ của huyện, xã tùy theo điều kiện của từng địa phương, thực hiện lồng ghép cơ chế, chính sách để huy động tối đa nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất, khuyến khích phát triển ngành trồng trọt, bao gồm các chính sách hỗ trợ hạ tầng sản xuất, hỗ trợ giống cây trồng mới, hỗ trợ tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra thuận lợi và bền vững.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT

- Tham mưu cho UBND huyện đôn đốc kiểm tra và giám sát việc thực hiện kế hoạch, phương án sản xuất năm 2022. Bám sát cơ sở, đề xuất các giải pháp chỉ đạo sản xuất kịp thời, hiệu quả; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với các

loại vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm thuộc ngành quản lý như giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,...

- Đánh giá hiệu quả các mô hình phát triển sản xuất trồng trọt có hiệu quả, tham mưu cho UBND huyện có giải pháp tổ chức nhân rộng; phối hợp với các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch chuyên đổi cơ cấu cây trồng; tích tụ tập trung đất đai, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo Huyện ủy, UBND huyện.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu đề xuất bổ sung các cơ chế hỗ trợ sản xuất trồng trọt năm 2022 trình Huyện ủy, HĐND, UBND huyện xem xét, ban hành quyết định hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp nói chung và ngành trồng trọt nói riêng.

2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp

- Căn cứ vào định hướng, mục tiêu sản xuất ngành trồng trọt trong năm 2022, xây dựng kế hoạch, chương trình công tác cả năm, trình UBND huyện xem xét, phê duyệt.

- Thực hiện công tác tổ chức tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đối với từng đối tượng cây trồng cụ thể. Xây dựng các mô hình trình diễn các giống cây trồng mới, tổ chức hội thảo đánh giá hiệu quả các mô hình, chú trọng các mô hình tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu cho người sản xuất đồng thời vẫn đảm bảo năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế mô hình “3 giảm, 3 tăng”, mô hình “1 phải, 5 giảm”, mô hình sản xuất rau an toàn, chè an toàn...

- Giới thiệu, cung ứng các giống cây trồng mới và các loại vật tư nông nghiệp chất lượng, phù hợp với điều kiện đất đai của các đơn vị đến người sản xuất. Thực hiện tốt công tác điều tra, dự tính, dự báo và hướng dẫn phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng kịp thời, hiệu quả.

3. Công ty TNHH MTV Sông Chu- Chi nhánh Thủy lợi Triệu Sơn, Điện lực Triệu Sơn

Phối hợp chặt chẽ, xây dựng phương án tưới đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, thực hiện công tác vận hành các trạm bơm chống hạn, chống úng kịp thời. Đảm bảo đủ nước cho sản xuất nông nghiệp và ứng phó kịp thời khi có hạn hán, lũ lụt xảy ra, phối hợp với các xã điều hành nước tưới cho cây trồng theo từng trà, từng loại cây trồng.

4. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT

Thực hiện tốt chương trình phối hợp với các Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên tổ chức khảo sát, thẩm định nhu cầu, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để đầu tư sản xuất nông nghiệp có hiệu quả trên địa bàn huyện.

5. Trung tâm Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch

Thường xuyên tuyên truyền các chủ trương, chính sách, giải pháp chỉ đạo sản xuất của UBND huyện đến người dân biết và thực hiện; thường xuyên nắm bắt, tổng hợp tình hình để đưa tin, biểu dương, các mô hình sản xuất điển hình, hiệu

quả để các đơn vị, tổ chức cá nhân được biết và tham quan, học tập, làm cơ sở nhân rộng.

6. Đội Quản lý thị trường số 6

Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra phát hiện, xử lý những trường hợp kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc Bảo vệ thực vật không đảm bảo chất lượng và vi phạm các điều kiện sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

7. UBND các xã, thị trấn

- Căn cứ kế hoạch sản xuất chung của huyện và thực tế của đơn vị, xây dựng kế hoạch sản xuất năm, phương án sản xuất từng mùa vụ gắn với kế hoạch tích tụ tập trung đất đai và phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng; tổ chức quy hoạch, xây dựng kế hoạch sản xuất ở từng thôn, xóm, tổ chức triển khai thực hiện đạt và vượt kế hoạch được giao.

- Xây dựng và triển khai phương án tưới, tiêu thật cụ thể cho từng vụ, từng vùng đồng, từng loại cây trồng, đảm bảo ứng phó có hiệu quả với điều kiện thời tiết hạn hán, ngập úng đảm bảo cho cây trồng sinh trưởng và phát triển thuận lợi.

- Chỉ đạo HTX Dịch vụ nông nghiệp và các hộ kinh doanh giống lúa trên địa bàn, cung ứng các giống đúng cơ cấu giống của địa phương; chủ động cung ứng giống lúa và các loại vật tư nông nghiệp đảm bảo chất lượng, giá cả cho nông dân.

- Xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp bảo vệ sản xuất trong điều kiện dịch bệnh, thiên tai xảy ra đảm bảo diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây trồng.

- Căn cứ vào điều kiện cụ thể của đơn vị, đối tượng cây trồng chủ lực, lợi thế của đơn vị, mỗi xã, thị trấn tập trung xây dựng một mô hình sản xuất điển hình ngành trồng trọt trong năm 2022.

Công tác sản xuất ngành trồng trọt năm 2022 tiếp tục có vai trò quan trọng trong công tác đảm bảo an ninh lương thực, tái cơ cấu ngành trồng trọt, góp phần ổn định đời sống nhân dân toàn huyện trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến hết sức phức tạp hiện nay. Việc tổ chức tốt kế hoạch sản xuất ngành trồng trọt là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, đề nghị các cơ quan, ban ngành liên quan cấp huyện và cấp uỷ, chính quyền các xã, thị trấn tập trung chỉ đạo, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất ngành trồng trọt năm 2022 cả về diện tích, năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế./.

Nơi nhận:

- TV HU, TT HĐND huyện (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện (báo cáo);
- TT cơ quan, đơn vị liên quan (thực hiện);
- UBND các xã, thị trấn (thực hiện);
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Phú Quốc

Phụ lục 1: Kết quả thực hiện chuyển đổi, tích tụ tập trung đất đai năm 2021
Đơn vị tính: ha

TT	Đơn vị	CHUYỂN ĐỔI			TÍCH TỤ, TẬP TRUNG		
		Chỉ tiêu giao	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu giao	Kết quả thực hiện	Tỷ lệ (%)
Tổng		465	465,5	100,1	300	303	101,1
1	Đông Thắng	12	16	131,3	11	20	181,8
2	Đông Tiến	11	10	91,3	10	7	70
3	Đông Lợi	14	20	145,7	10	10	100
4	Khuyến Nông	16	13,5	84,4	5	5	100
5	Tiến Nông	11	10	90,9	5	5	100
6	Dân Lý	13	14	110,0	5	7	140
7	TT Nưa	23	18,5	80,4	15	10	66,7
8	Thái Hòa	17	19	111,8	11	32	290,9
9	Vân Sơn	19	16	84,2	15	13	86,7
10	Nông Trường	13	11	85,4	8	5	66,3
11	An Nông	10	8,5	85,0	10	23	230
12	Thị trấn T.Sơn	21	9	40,5	8	5	62,5
13	Minh Sơn	9	9	97,7	8	16	200
14	Dân Lục	15	18	120,0	5	7	140
15	Dân Quyền	23	23	98,3	13	10	76,9
16	Xuân Lộc	7	8	117,1	5	10	200
17	Xuân Thịnh	9	9	96,7	7	5	71,4
18	Thọ Vực	12	18	151,7	5	10	200
19	Thọ Phú	13	11	87,2	10	14	135
20	Xuân Thọ	14	16,1	115,0	5	3	60
21	Thọ Cường	8	12	152,5	5	3	50
22	Thọ Ngọc	14	12	82,1	5	6	120
23	Thọ Thế	8	8	100,0	5	6	120
24	Thọ Tân	20	20	99,0	8	7	91,1
25	Thọ Dân	12	19	156,7	5	3	50
26	Thọ Tiến	14	17	121,1	11	5	45,5
27	Thọ Sơn	11	8	69,5	15	19	124
28	Thọ Bình	13	16	119,2	15	10	66,7
29	Bình Sơn	5	6	116,0	13	3	23,1
30	Hợp Thắng	20	15,6	77,8	5	3	60
31	Hợp Thành	19	12	61,4	8	3	37,5
32	Triệu Thành	12	17	138,3	14	3	21,4
33	Hợp Lý	13	11	84,6	12	5	37,5
34	Hợp Tiến	14	17	121,4	8	12	150

Phụ lục 2: Chỉ tiêu kế hoạch diện tích gieo trồng các cây trồng chính, diện tích chuyển đổi đất trồng lúa và tích tụ, tập trung năm 2022

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2021 của UBND huyện)

Đơn vị tính: Ha

STT	Đơn vị	Diện tích cây lúa năm 2022			DT vụ đông 2021-2022	DT ngô cả năm	DT chuyển đổi đất lúa	DT tích tụ, tập trung
		Cả năm	Vụ Xuân	Vụ Mùa				
Tổng		18.600	9.400	9.200	3.000	1.500	611	350
1	Đồng Thắng	660	330	330	90	40	20	20
2	Đồng Tiến	800	405	395	105	40	19	10
3	Đồng Lợi	560	280	280	75	30	15	10
4	Khuyến Nông	790	405	385	90	35	23	6
5	Tiền Nông	558	260	298	90	30	12	6
6	Dân Lý	740	370	370	100	45	21	10
7	Thị trấn Nưa	745	405	340	75	30	31	6
8	Thái Hòa	630	315	315	85	50	19	10
9	Vân Sơn	575	295	280	80	45	25	15
10	Nông Trường	650	325	325	105	50	16	15
11	An Nông	530	270	260	75	35	14	20
12	Thị Trấn T.Son	770	385	385	120	35	24	10
13	Mình Sơn	270	140	130	70	35	13	10
14	Dân Lực	715	360	355	110	50	17	10
15	Dân Quyền	1125	565	560	120	60	26	10
16	Xuân Lộc	340	175	165	85	35	9	6
17	Xuân Thịnh	430	215	215	90	50	10	6
18	Thọ Vực	310	155	155	100	75	15	15
19	Thọ Phú	440	200	240	115	75	17	15
20	Xuân Thọ	550	290	260	85	45	17	10
21	Thọ Cường	435	220	215	75	40	11	6
22	Thọ Ngọc	604	310	294	100	40	18	10
23	Thọ Thế	567	285	282	90	35	16	6
24	Thọ Tân	424	215	209	75	45	28	10
25	Thọ Dân	576	290	286	85	40	19	8
26	Thọ Tiến	440	220	220	85	40	18	10
27	Thọ Sơn	324	165	159	80	60	15	10
28	Thọ Bình	590	300	290	95	80	17	15
29	Bình Sơn	90	45	45	25	30	8	5
30	Hợp Thắng	720	360	360	90	30	25	6
31	Hợp Thành	555	280	275	85	50	24	10
32	Triệu Thành	377	195	182	90	50	14	10
33	Hợp Lý	390	205	185	80	35	18	12
34	Hợp Tiến	320	165	155	80	35	17	12